

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	7,400 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

DT thuần	2024		
	22.9	YoY	▲ 0.90
	tỷ VNĐ		▲ 4.1%

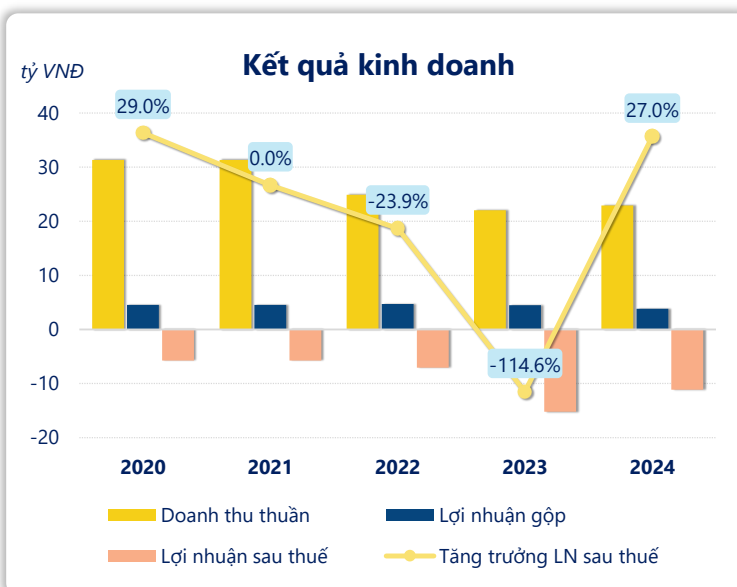
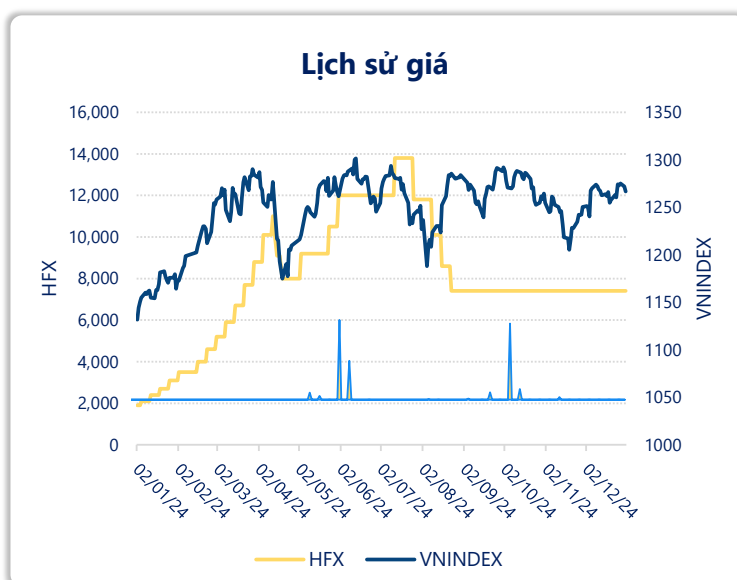
LN gộp	2024		
	3.83	YoY	▼ 0.66
	tỷ VNĐ		▼ 14.7%

LN thuần	2024		
	-11.1	YoY	▲ 4.10
	tỷ VNĐ		▲ 26.8%

LN sau thuế	2024		
	-11.1	YoY	▲ 4.10
	tỷ VNĐ		▲ 27.0%

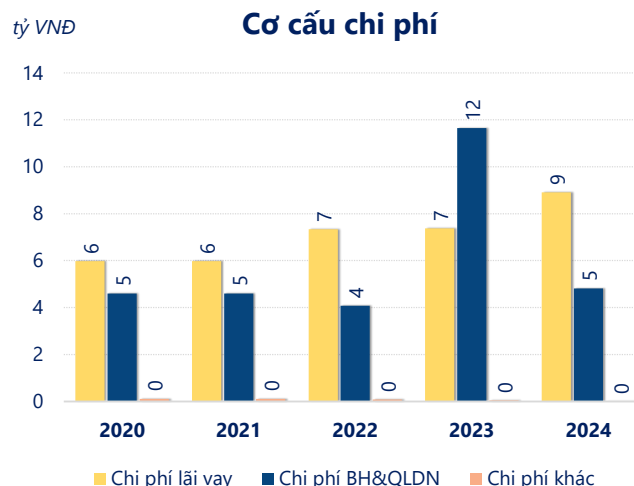
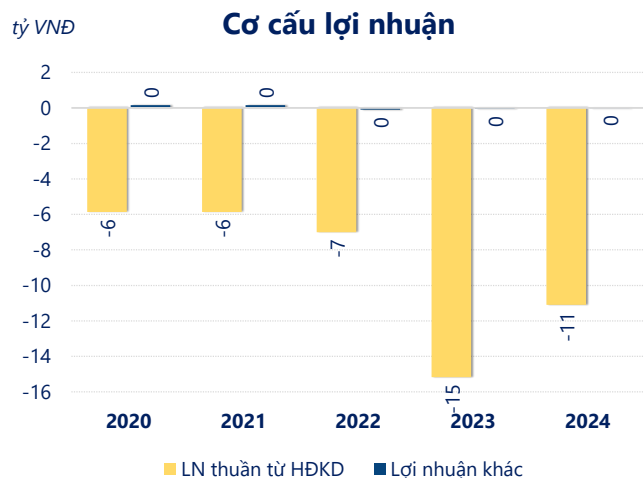
ROE	2024		
	4.1%	+/- YoY	▼ 2.7%

ROA	2024		
	-42.8%	+/- YoY	▲ 14.1%



Năm **2024**, **HFX** ghi nhận doanh thu thuần **22.91** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-11.11** tỷ đồng, lần lượt **tăng 4.12%** và **tăng 27.0%** so với năm trước.

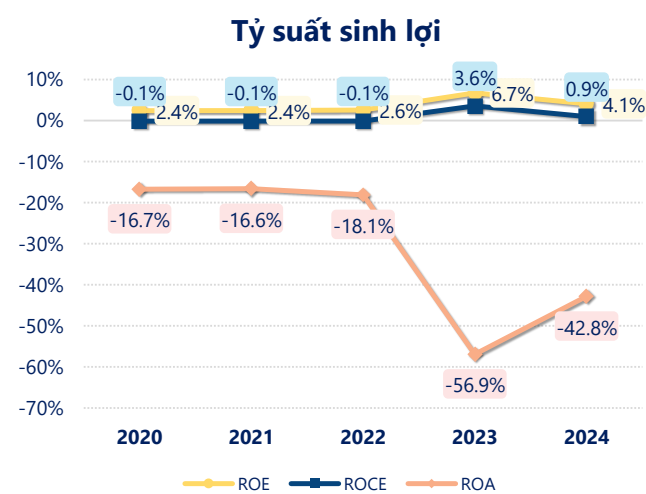
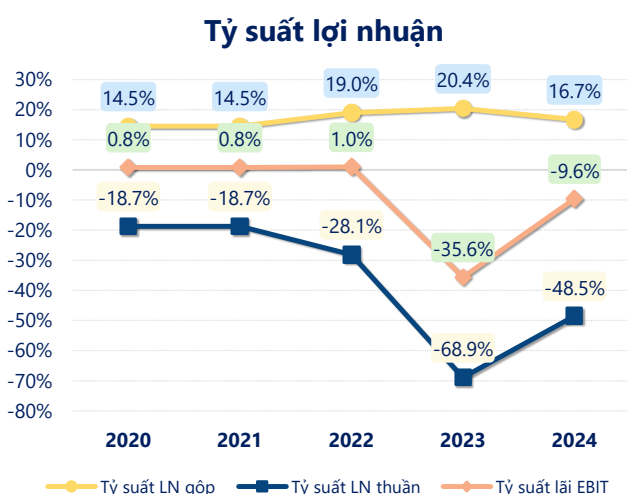
Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng 4.06% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của HFX năm **2024 tăng lên 4.06** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 11.11 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 15.17 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **8.91** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **4.81** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.00** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HFX năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **4.06%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



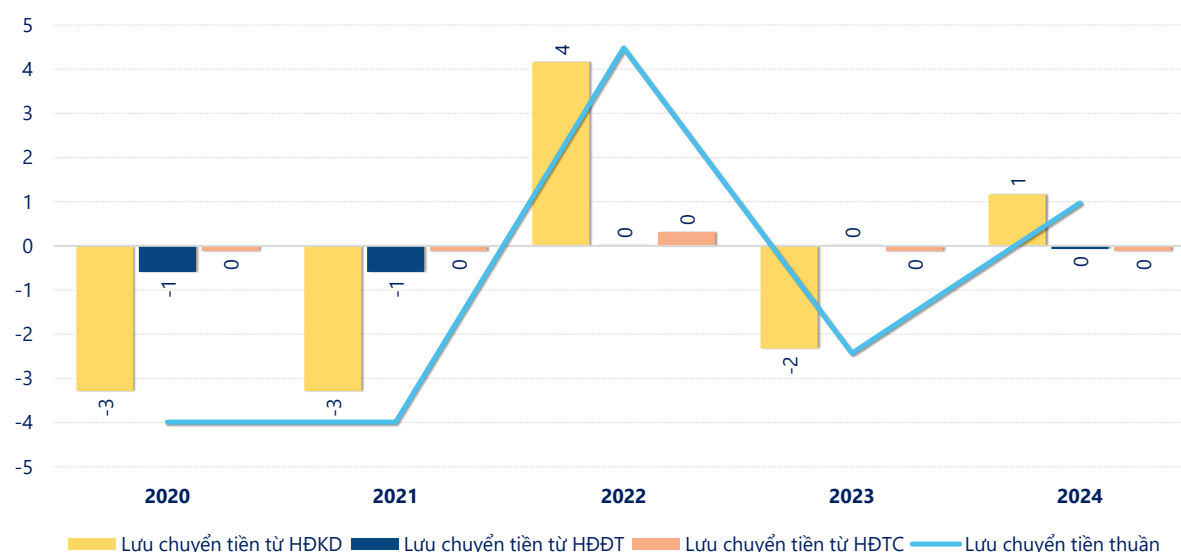
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	31.3	31.3	24.9	22.0	22.9
Giá vốn hàng bán	26.8	26.8	20.2	17.5	19.1
Lợi nhuận gộp	4.55	4.55	4.73	4.49	3.83
Doanh thu HĐTC	0.17	0.17	0.12	0.01	0.09
Chi phí TC	5.99	5.99	7.77	8.02	10.2
Chi phí lãi vay	5.99	5.99	7.33	7.38	8.91
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.64	0.64	0.83	0.60	0.67
Chi phí QLDN	3.96	3.96	3.25	11.0	4.14
LN thuần từ HĐKD	-5.87	-5.87	-7.00	-15.2	-11.1
Lợi nhuận khác	0.15	0.15	-0.09	-0.05	0.00
LN trước thuế	-5.72	-5.72	-7.09	-15.2	-11.1
Lợi nhuận sau thuế	-5.72	-5.72	-7.09	-15.2	-11.1
LNST của CĐ cty mẹ	-4.86	-4.86	-5.32	-14.8	-9.43

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HFX bằng **0.97** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-2.43 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.16** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.07** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-0.12** tỷ đồng.